

GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA GIA ĐÌNH NGƯỜI HOA QUẢNG ĐÔNG QUA LỄ CƯỚI

TRẦN HẠNH MINH PHƯƠNG

Lễ cưới là nghi lễ quan trọng nhất của đời người đánh dấu sự chuyển đổi của hai cá nhân độc thân thành một đôi vợ chồng gắn bó với nhau trọn đời nên lễ cưới luôn được tổ chức chu đáo, tỉ mỉ mang bản sắc văn hóa tộc người. Lễ cưới gắn liền với sự ra đời của một gia đình mới nên con người luôn mong muốn “tế bào” mới này mang đầy đủ hệ giá trị đạo đức của cộng đồng.

Bài viết này giới thiệu giá trị đạo đức của gia đình người Hoa Quảng Đông thông qua lễ cưới của họ. Nguồn tư liệu chính của bài viết là thông tin có được từ việc quan sát tham dự lễ cưới của người Hoa, nguồn tư liệu phỏng vấn những người am hiểu về phong tục tập quán và tư liệu thành văn có liên quan đến đề tài trên. Ngoài ra, nghiên cứu cũng áp dụng phương pháp giải mã biểu tượng trong nghi lễ của Victor Turner, thông qua các biểu tượng trong lễ cưới của người Hoa bài viết khái quát về hệ giá trị đạo đức của gia đình người Hoa.

Ở Thành phố Hồ Chí Minh, dân số người Hoa là 414.045 người (chiếm 50,3% tổng số người Hoa tại Việt Nam), đứng thứ hai sau người Việt, gồm năm nhóm ngôn ngữ: Họ, Triều Châu, Hải Nam, Phúc Kiến và Quảng Đông, trong đó, người Hoa Quảng Đông sống tập trung ở quận 5, quận 6 và

quận 11 (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr. 40). Mặc dù đã rời bỏ quê hương đến định cư ở vùng đất Sài Gòn - Gia Định hơn ba thế kỷ, nhưng cộng đồng người Hoa Quảng Đông vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mình qua các nghi lễ liên quan đến vòng đời người được gia đình tổ chức, trong đó có lễ cưới là nghi lễ chuyển tải nhiều nhất những giá trị đạo đức của gia đình. Đó là việc đề cao chữ “hiếu”, vai trò trụ cột của người chồng và sự thủy chung, tận tụy của người vợ để có cuộc hôn nhân bền chặt, thủy chung, gia đình hạnh phúc, sung túc, làm ăn phát đạt, quan hệ thông gia hòa thuận, gắn kết.

1. Đề cao chữ “hiếu”

Hệ giá trị Nho giáo lấy chữ “hiếu” làm nền tảng căn bản của xã hội vẫn còn nguyên giá trị trong cộng đồng người Hoa hiện nay. Người Hoa có câu “*bất hành hiếu nhị tiên*” (làm người phải làm trọn bốn phận hiếu), trước nhất, những hành vi của con người phải hiếu.

Trong lễ cưới của người Hoa, chữ “hiếu” đó được thể hiện qua các nghi thức biểu thị sự tôn kính tổ tiên, ghi nhớ công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ và mong muốn có con nối dõi tông đường, nối dài dòng họ tổ tiên. Theo nhân sinh quan của người Hoa, người đã khuất và người sống

luôn có mối dây liên hệ không chia cắt được (de Kermadec, 1955, tr. 91). Linh hồn của tổ tiên vẫn theo dõi từng cử chỉ của con cháu trên thế gian (Tiêu Quân Trung, 2006, tr. 232), nên mọi nghi lễ gia đình, nghi thức trình báo tổ tiên là nghi thức quan trọng và long trọng nhất.

Nghi thức thông báo tổ tiên trong lễ cưới thể hiện sự kính trọng và tưởng nhớ tổ tiên:

“Nhà trai sau khi sửa soạn các quả lễ vật để mang cho nhà gái, sẽ bày các lễ vật này trước bàn thờ tổ tiên. Cha mẹ chàng trai thắp ba cây nhang khẩn đê kính báo tổ tiên. Tại nhà gái, khi nhận sinh lễ của nhà trai, cha mẹ cô gái sẽ lấy tượng trưng những sinh lễ ấy dâng lên bàn thờ cúng với ngụ ý thông báo với tổ tiên người con gái sẽ kết hôn. Sau đám hỏi một, hai ngày, gia đình nhà gái mua cho mỗi ông bà một bộ đồ giấy có ghi tên, đốt để ông bà có đồ mới đi đám cưới. Trong khi cúng kính báo với ông bà rằng cháu tên... sẽ đi lấy chồng vào ngày..., tháng..., về nhà của họ... Mời ông bà đến nhà hàng...” (D. Đ. M., 47 tuổi, Lương Nhữ Học, quận 5, ngày 24/3/2010).

Vốn xem linh hồn tổ tiên vẫn còn hiện diện trong gia đình và có vai trò quan trọng trong đời sống của từng thành viên, *lễ bái đường* nhằm có được sự thừa nhận của tổ tiên về cuộc hôn nhân. Theo *Lễ ký*, Hôn nghi quy định “khi làm hôn lễ phải quỳ lạy và thắp, nghe lệnh ở miếu cho nên hôn lễ rất kính cẩn thận trọng...” (Đường Đắc Dương, 2003, tr. 1146-1147). Tổ tiên, ông bà mất đi nhưng linh hồn vẫn hiện diện trong gia đình, mỗi dịp lễ quan trọng gia đình đều trình báo tổ tiên. Vì thế, từ xưa đến nay, nghi thức bái đường ra mắt tổ tiên là phần lễ không thể thiếu được trong lễ cưới. “Sau khi đón dâu

về nhà, nhất định phải bái đường, nếu không làm thế thì mất đi ý nghĩa của hôn lễ. Người Tống nói về *lễ bái đường* trong sách *Đông kinh mộng hoa lục* của Mạnh Nguyên Lão rằng “Canh năm ngày hôm sau, dùng một chiếc kính trên bệ kính, nhìn bái lễ từ xa thì nói rằng cô dâu bái đường, sau đó bái bậc bề trên, người thân thích” (Đường Đắc Dương, 2003, tr. 1150). Khi cụ, nghi thức, không gian của *lễ bái đường* trong lễ cưới ngày nay không cầu kỳ như xưa nhưng ý nghĩa của lễ thức vẫn được gìn giữ, là tỏ ý tôn trọng tổ tiên, mong muốn có sự chứng giám của tổ tiên về một giao ước trọn đời của đôi nam - nữ.

Khi đón dâu về, nghi thức gia tiên, bái đường là nghi thức quan trọng và long trọng nhất kính báo tổ tiên về sự thành thân của đôi nam - nữ, và chỉ sau nghi thức này hai người mới được dòng tộc thừa nhận là con dâu, con rể của gia đình. Nghi thức cô dâu bái đường trong lễ cưới người Hoa hiện nay đơn giản là:

“Cô dâu, chú rể mặc lễ phục truyền thống (cô dâu mặc áo *khỏa*, chú rể mặc áo kiêu cổ lãnh tụ), trước sự hiện diện của ông bà, cha mẹ, cô dì, chú bác, anh em, đứng nghiêm trang vái tổ tiên ba cái, dâng bánh, mứt, nước trà, lên bàn thờ rồi quỳ xuống lạy ba cái. Sau đó lần lượt đến các bàn thờ khác trong nhà: từ bàn thờ Táo thần đến bàn thờ Thổ thần cũng theo trình tự: vái trước ba cái, dâng bánh, mứt, nước trà cho thần, rồi lại vái ba cái” (Lễ cưới B. C. T., ngày 6/9/2011).

Khi đặt câu hỏi với những người đã kết hôn rằng không gian và thời gian nào là thiêng nhất trong lễ cưới, họ đều thống nhất là thời điểm cô dâu, chú rể dâng rượu, dâng hương, dâng trà và vái lạy tổ tiên là không

gian và thời gian linh thiêng nhất, ghi dấu một bước ngoặt lớn trong đời sống của cá nhân. Theo ông Ô. D. P:

“Bái đường đến giờ vẫn giữ, vì nó thể hiện lễ nghi linh thiêng, một sự trân trọng, thực hiện điều đó ta cảm thấy sự bình yên, thể hiện sự biết ơn, ta hạnh phúc thì nhờ ơn trời đất, ta có ngày hôm nay nhờ ơn cha mẹ, hai vợ chồng sống có hạnh phúc hay không là sự tôn trọng lẫn nhau kính nể lẫn nhau (phu thê tương bái). Nếu lý do gì đó cô gái và chàng trai không động phòng ra đi nhưng đã trải qua nghi thức bái đường tức là hai người đã thành vợ chồng. Dù xã hội có phát triển đến đâu, đơn giản đi rất nhiều những nghi thức trong lễ cưới, nhưng vẫn không giản lược nghi thức bái đường vì đó là sự trân trọng đối với tổ tiên. Người Á Đông chúng ta bao giờ cũng nghĩ rằng dù tổ tiên đã khuất mặt nhưng vẫn hiện diện trong nhà này, nên nghi thức bái đường là hành động trân trọng, tưởng nhớ tiền nhân, là gương để hậu thế noi theo. Và theo tôi, người Hoa hải ngoại nói chung chứ không nói riêng ở Việt Nam, nghi thức đó vẫn còn được giữ” (Ô. D. P., Hòa Hảo, quận 10, ngày 31/3/2010).

Trong các nghi thức hôn nhân (lễ hỏi, lễ đón dâu), tất cả các lễ nghi đều khởi đầu từ việc thông báo trước ông bà tổ tiên và kết thúc bằng việc giới thiệu một cách trang trọng cô dâu mới với ông bà tổ tiên của gia đình chồng - nay đã là ông bà tổ tiên của chính cô. Đó là một trong những hành động chính của việc tôn thờ trong gia đình; là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự tiếp nối của dòng họ tổ tiên... Các nghi thức trong lễ cưới hiện nay vẫn phản ánh vai trò của ông bà tổ tiên trong đời sống tinh thần của người Hoa. Ông bà tổ tiên, dù đã khuất, vẫn thật sự hiện diện trong gia đình và được tôn trọng như những

bậc đáng kính nhất, đôi vợ chồng mới phải vái lạy đầu tiên. Sự hiếu đượ thể hiện trong lễ cưới còn là việc cô dâu, chú rể bày tỏ sự biết ơn công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ hai bên trong nghi thức bái đường.

Do ảnh hưởng văn hóa Nho giáo, đối với người Hoa, sự “hiếu” của con cái chính là sự trưởng thành của bản thân, sớm thành hôn để sinh con nối dõi tông đường, nối dài dòng họ, tổ tiên. Theo Kinh thi, “hiếu” có ba hàm nghĩa: “Sinh con để cái, kế thừa tổ nghiệp. Lấy việc nối dõi tông đường làm điều tốt để thực hành. Cầu xin tổ tiên con cháu đầy đàn tế tự tổ tiên” (Tiêu Quân Trung, 2006, tr. 28). Quan niệm tổ tiên là những người tạo ra mạng sống của mình, cho nên sùng bái tổ tiên chính là làm cho đời sống tổ tiên nối dài ra mãi. Do đó, sinh con để cái, nối dõi tông đường là trách nhiệm của các thế hệ con cháu trong tương lai. Sách Kinh Dịch viết “Đạo đức lớn nhất của trời đất là sinh sôi”. Trời đất khiến vạn vật hóa sinh, còn nam nữ thành vợ thành chồng hợp lại mới có con cái, có con cái cha mẹ mới là đối tượng để con cháu báo hiếu (Tiêu Quân Trung, 2006, tr. 64). Theo một học giả phương Tây, “trong số những bổn phận căn bản của đạo hiếu, có bổn phận lấy vợ và sinh con để thờ cúng tổ tiên không đứt đoạn và dòng gia tộc không tuyệt mất” (Ludwig, 2004, tr. 229). Do sự chi phối của quan niệm này nên sinh con là nghĩa vụ và niềm vui lớn nhất của con người (Đường Đắc Dương, 2003, tr. 234-237). Theo Francis L. K. Hsu, bất kỳ người đàn ông nào không có con trai đều thấy mình bất hạnh và được những người khác thương hại. Đối với người đàn ông không có con trai được ví như cây không có rễ. Và đối với người phụ nữ, vấn

đề không sinh được con trai còn nghiêm trọng hơn (Francis, 1948, tr. 76).

Xuất phát từ quan niệm trên, biểu tượng *cầu tự* chiếm một vị trí quan trọng trong lễ cưới. Người Hoa dùng từ đồng âm, hình thái bên ngoài có thể quan sát được, hành vi mang tính biểu trưng để thể hiện mong muốn đôi vợ chồng trẻ sinh được nhiều con, nhất là con trai. Từ “hạt sen” (*lian zi*) đồng âm với từ “*liên tử*” (hàm ý “liên nên sinh quý tử”) hay hình ảnh những hạt sen nằm bên trong gương sen còn được người Hoa ví như bào thai trong bụng mẹ, hạt sen tượng trưng cho những đứa con (Williams, 1941, tr. 333). Với ý nghĩa đó hạt sen được dùng rất nhiều trong lễ cưới từ lễ vật cúng trên bàn thờ tổ tiên, bàn thiên, sính lễ nhà trai mang sang nhà gái. Người ta còn đặt hạt sen ở bốn góc va li quần áo của cô dâu mang sang nhà chồng, rải hạt sen trên giường tân hôn. Lúc rót trà mời ông bà, bố mẹ, họ hàng, anh em trong nghi thức bái đường, cô dâu chú rể mời mút hạt sen để những người được mời nói hai chữ “*liên tử*” ngụ ý chúc cho đôi vợ chồng mới cưới sinh được nhiều con. Hình thái bên ngoài có thể quan sát được - quả lựu (*shi-liu*) nhiều hạt, tượng trưng cho sự đông con như tranh “Lựu khai bách tử” (榴開百子: *liu kai bai zi* – quả lựu mở sinh trăm con) vẽ ông lão cầm quả lựu bóc dở, cho trông thấy hạt lựu bên trong. Theo từ điển biểu tượng Trung Hoa, “quả lựu biểu trưng mong muốn gia đình có nhiều con cháu cư xử đạo đức và có hiếu với cha mẹ và được nuôi dưỡng để trở nên nổi tiếng và làm rạng danh dòng họ” (Williams, 1941, tr. 333). Quả lựu được dùng như lễ vật cúng trên bàn thờ và đặt ở đầu giường cô dâu, hay là một trong số những lễ vật nhà gái lại quả cho nhà trai với ước muốn cầu xin ông bà, tổ

tiên ban cho đôi vợ chồng nhiều con cái để làm tròn chữ hiếu với tiên nhân. Trong số những vật nhà gái tặng cho chú rể, có sợi dây nịt với ngụ ý con rể sẽ và con gái sẽ sinh được nhiều con cái do từ “dây nịt” đồng âm với từ “đất con cháu về”. Bánh *chít tui*, lễ vật cúng tại bàn thiên ở nhà gái, lễ vật nhà gái lại quả cho nhà trai là loại bánh làm bằng bột mì pha ít bột nếp được chiên phồng to như quả dứa, no tròn, vàng rộm, rắc mè thơm chi chút. Bánh có hình quả lựu, nhân bánh là bắp rang với đường. Bánh này biểu trưng “cho sự sinh sôi nảy nở, chúc cho vợ chồng trẻ được con đàn cháu đống”, “nhiều con như hạt mè, hạt lựu” (Nguyễn Duy Bình, 2005, tr. 100).

Trong nghi thức chải đầu cho cô dâu, chú rể vào đêm trước ngày đón dâu, cái chải thứ ba luôn đi kèm với câu nói: “Cái chải thứ ba - con cháu đầy đàn” (L. H., 77 tuổi, 297 Cao Đạt, phường 1, quận 5, ngày 22/3/2010).

Ngoài ra, bố mẹ cô dâu còn tặng cho bố mẹ chú rể đôi dĩa vì từ “đôi dĩa” đồng âm với từ “sớm có con trai”. Hành vi tặng đôi dĩa thể hiện mong ước đôi vợ chồng mới cưới sớm có con trai nối dõi tông đường. Và có con trai đầu lòng cô dâu “đã tiến một bước dài từ vị trí người ngoài hòa nhập vào gia đình chồng một cách an toàn và đã tạo ra phương tiện nối dõi tông đường cho nhà chồng”. Còn đối với người chồng, “có con và có con trai, anh ta đã hoàn thành nghĩa vụ đối với dòng họ, tổ tiên” (Nguyễn Duy Bình, 2005, tr. 190).

Hành vi khác mang ý nghĩa cầu tự được người Hoa rất quan tâm là việc nhờ một người đàn ông hay phụ nữ có gia đình hạnh phúc, con cái đông đủ sắp đặt giường

cho đôi uyên ương vào giờ lành với mong muốn đôi vợ chồng sớm có con. Người nhà chú rể chọn một bé trai khôi ngô dưới 5 tuổi nhảy, lăn trên giường với mong muốn đôi vợ chồng trẻ sinh được bé trai đầu lòng thông minh và khỏe mạnh. Và sau khi giường cưới được sắp xếp xong, theo hướng dẫn của người lớn tuổi, chú rể sẽ ngủ cùng một cậu bé trong đêm trước ngày đón dâu cũng với ý nghĩa sẽ có con đầu lòng là con trai.

2. Về vai trò và phẩm hạnh của đôi vợ chồng

Đối với những vật trong lễ cưới của người Hoa Quảng Đông, rồng tượng trưng cho người chồng, người đàn ông trưởng thành trong xã hội, người nắm vai trò trụ cột trong gia đình, người có quyền lực và làm ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội. Phượng là biểu tượng của phái đẹp, người vợ, người mẹ, sự thủy chung và tận tụy của vợ đối với chồng. Rồng và Phượng ở bên nhau như hình với bóng tượng trưng cho sự hòa hợp âm dương - hôn nhân hạnh phúc. Quan niệm phổ biến của người Hoa về vai trò người chồng và người vợ “đàn ông cái nhà, đàn bà cái bếp”. Quan hệ chồng - vợ là quan hệ bình đẳng và yêu thương, cùng bổ sung cho nhau như cặp đôi rồng - phượng. Rồng là *duang*, hình ảnh của người chồng quyết đoán, tiêu biểu cho sức mạnh của cả gia đình. Phượng là yếu tố *âm* đại diện người vợ nhu thuận, lấy đức làm đầu. Rồng - phượng như âm - dương không thể tách rời nhau biểu trưng mối quan hệ vợ - chồng trăm năm bền chặt. Cặp đôi hoàn hảo: hình rồng - biểu tượng của sức mạnh nam giới, hình phượng - biểu tượng của sắc đẹp nữ giới là biểu tượng trung tâm trong lễ cưới. Đó là đề tài trang trí chủ đạo trên trang phục

cưới cô dâu, thân đèn cây (thường gọi là đèn long - phụng *lùng phùng chúc* - người Hoa, bánh cưới (bánh long phụng - *lùng phùng bển*), trang trí phòng khách, thiệp mời, quyển sổ khách ký tên lưu niệm, các tấm vải dày mâm quả lễ vật nhà trai mang sang nhà gái.

Chữ “*song hỷ*” - biểu tượng của hạnh phúc bằng giấy màu đỏ xuất hiện “trần ngập” trong không gian diễn ra lễ cưới (ở nhà, nhà hàng). Chữ “*song hỷ*” được dán trang trí trên tường nhà, ở cửa, lễ vật trên bàn thờ, bàn thiên, mền của dòng họ tặng chú rể, va li đựng quần áo của cô dâu, khăn trải bàn, thiệp cưới, khăn ký tên lưu niệm...

Người Hoa đã dùng hình thái bên ngoài và những tính chất có thể quan sát được của sợi tơ bện chặt trong củ sen làm biểu tượng cho sự gắn bó keo sơn, lòng thủy chung son sắt của tình nghĩa vợ chồng nên trong lễ vật nhà trai mang sang nhà gái và những thứ đặt trong phòng tân hôn không thể thiếu cặp củ sen, thành ngữ Trung Hoa viết “*Ngẫu đoạn ti bất đoạn - ngẫu đoạn ti liên*” (*ăn fà lián sheng, bi ding yǎn gèn*) [Củ (sen) tuy đã đứt nhưng tơ còn nối liền, dẫu có lia ngó ý còn vương tơ lòng] (Nguyễn Bích Hằng, 2003, tr. 932).

Đối với lễ cưới của người Hoa, ước muốn đôi vợ chồng gắn bó với nhau đến trọn đời còn biểu hiện qua hai câu nói trong cái chai thứ nhất và thứ hai trong nghi thức chai đầu cho cô dâu, chú rể vào đêm trước ngày rước dâu: “Chai cái thứ nhất chúc cho đôi vợ chồng sống thủy chung, chai cái thứ hai chúc hai vợ chồng sống đến răng long đầu bạc” (tất cả các thông tin viên đều thống nhất hành vi mang ý nghĩa biểu tượng này). Vợ chồng yêu thương nhau bởi “*Nhị nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim*” (Hai người đồng lòng,

cắt đứt kim loại. Đồng lòng thì có sức mạnh to lớn) (Nguyễn Bích Hằng, 2003, tr. 352) để xây dựng một gia đình tốt đẹp.

3. Về những giá trị của một gia đình lý tưởng

Hình ảnh một gia đình lý tưởng là gia đình hạnh phúc, có cuộc sống sung túc, làm ăn phát đạt thể hiện rõ nét qua việc nhà trai chọn người gánh sính lễ sang nhà gái (là người phụ nữ có gia đình hạnh phúc, cuộc sống sung túc, con cháu đông đủ), sính lễ nhà trai mang sang nhà gái trong lễ hỏi và lễ vật cúng trên bàn thiên nhà chú rể trong ngày đón dâu. Đối với sính lễ, người Hoa có khuynh hướng dùng từ đồng âm như mục (*mòyú*) (có dư), hào khô (*háogàn*) (hào sự - ý tốt), tôm khô (*xīamī*) (vui vẻ), nắm đồng cô (*dōnggū*) (vạn sự thành), tóc tiên (*fácài*) (phát tài), táo đỏ (*hóngzǎo*) (may mắn), bánh hợp (*bǎihé*) (hòa hợp) đi đôi với cụm từ “đông thành tây tụ”... tất cả những lễ vật đều đủ cặp ngụ ý đôi nam nữ làm gì cũng có đôi. Trong số những vật nhà gái tặng chú rể có một cái bóp, một sấp vải quần với ngụ ý chúc chú rể phú quý [từ quần (*kù*) đồng âm từ phú quý] có nhiều tiền cất.

Trong ngày đón dâu, nhà trai bày bàn ngay cửa cúng đất trời với các lễ vật: năm loại bánh (mỗi loại bánh đều mang một ý nghĩa khác nhau thông qua hình thái bên ngoài có thể quan sát được) [*lùng phùng bên* tức bánh có hình rỗng, phượng: biểu tượng hai nhân vật chính trong lễ cưới là cô dâu và chú rể; bánh *cáy tan cú* hình tròn bằng bột mì nén chặt, cứng: biểu tượng sự bền chặt của tình vợ chồng; bánh *hạp thù su* giống bánh bông lan của người Việt, có bột nổi xốp, nở bung to biểu tượng sự thịnh vượng,

phát triển; bánh *wong lĩnh* có nhân bách thảo biểu tượng vạn sự như ý; bánh *hùng lĩnh* nhân đậu xanh, bên ngoài có lớp vỏ mỏng giống bánh pía của người Việt biểu tượng sự hoà hợp của hai vợ chồng; ba chén chè trôi nước [hình thái bên ngoài của viên chè tròn trịa, trơn tru, nhẵn mịn biểu trưng sự viên mãn], quýt [âm của từ quýt đồng âm với từ cát tường], bao lì xì màu đỏ [được đặt trên mỗi đĩa lễ vật biểu tượng sự may mắn, vui vẻ, hạnh phúc], sáu loại giấy *lục hạp kim ngọc mǎng đường, cứu long y, quý nhân, thọ kim, 6 miếng giấy màu vàng ánh* [biểu tượng: vào nhà gặp điều tốt, trường thọ] (Lễ cưới của H. C. X., ngày 29/5/2010).

Người Hoa dùng màu đỏ biểu thị sự may mắn, chúc mừng và sự xua tà, trừ ác, nên không gian diễn ra lễ cưới (tại tư gia và nhà hàng) tràn ngập một màu đỏ từ trang trí nhà cửa, giấy bọc trà, rượu, quả đựng bánh cưới, phong bì đựng tiền nhà trai mang đến cho nhà gái, lợn quay, bao lì xì, nhang đèn, quà tặng của họ hàng (mền), bạn bè, láng giềng, đến thiệp cưới, trang phục cô dâu, chú rể... mang đến cho những người tham dự một cảm xúc về tình cảm nồng hậu gia chủ. Màu đỏ còn là sự khao khát về một cuộc sống đầy niềm vui, hạnh phúc và thịnh vượng.

Đối với người Hoa Quảng Đông, số 9 là con số hạnh phúc, an lành, thuận lợi. Tiếng Quảng Đông, số *chín* đồng âm với từ *trường thọ* và *may mắn*. Theo phong thủy của người Hoa, số 9 là số may mắn nhất vì nó tượng trưng cho sự toàn vẹn của trời và đất, vì thế số tiền nhà trai mang sang nhà gái trong lễ hỏi bao gồm những con số 9. Chẳng hạn như 99.999.999; 999.999; 99.999; 9.999, nhà gái chỉ rút tượng trưng, phần còn lại sẽ

cho cô dâu chú rể làm vốn với mong muốn bằng số tiền may mắn đó đôi vợ chồng mới cưới sẽ làm ăn phát đạt, sung túc.

4. Về quy tắc quan hệ thông gia

Sách *Lễ ký, Hôn nghị* viết “Hôn lễ là sự hòa hợp giữa hai họ...” (Nhữ Nguyên, 1996, tr. 1146), hình ảnh tên của hai dòng họ được viết lồng vào nhau trên thiệp cưới nói lên điều này. Mức độ kết thân giữa hai gia đình cũng ảnh hưởng đến hạnh phúc của đôi vợ chồng, nên trong lễ cưới hai gia đình chú ý đến lễ thức thể hiện gia đình nhà trai tôn trọng nhà gái và ngược lại. Quan hệ thông gia giữa hai gia đình là quan hệ “có qua, có lại”, nên trong lễ cưới của người Hoa, khi nhà trai mang sính lễ qua nhà gái, nhà gái không lấy hết mà phải “lại quả”, với ý nghĩa hai gia đình cùng chia sẻ niềm vui, hạnh phúc của hai họ. Hoặc những người bên nhà gái khi đưa dâu qua nhà trai sẽ được nhà trai gửi bao lì xì và ngược lại những người bên nhà trai qua nhà gái cũng được nhận bao lì xì từ nhà gái với ý nghĩa nhận được niềm vui, sự may mắn, hạnh phúc, mà hai họ mang đến cho nhau.

Sau lễ cưới ba ngày, cô dâu trở về nhà bố mẹ đẻ, mẹ chồng chuẩn bị cho con dâu một ít quà về mừng cha mẹ. Một học giả phương Tây nhận định: “Hôn lễ phản ánh tôn ti xã hội, đám cưới không phải là chỗ người ta thể hiện sự khiêm tốn, điều này thấy rõ trong các nghi thức, thay đổi chỗ ở, được sự thừa nhận của xã hội. Đối với xã hội người Hoa, hôn nhân không chỉ liên kết từng cá nhân và gia đình hạt nhân mà còn liên kết gia đình mở rộng, đặc biệt là vị trí giai cấp. Đôi khi hôn nhân còn là cách duy trì và thăng tiến địa vị xã hội. Đặc biệt tầng lớp

trên (quan lại, trí thức), hôn nhân có thể tạo nên sự liên kết chính trị, xã hội thông qua quan hệ thân tộc và huyết thống” (Sockard, 2002, tr. 39).

5. Những kiêng kỵ trong lễ cưới để đảm bảo cuộc hôn nhân trọn vẹn

Hôn nhân xấu hay tốt sẽ liên quan trực tiếp đến hạnh phúc cả đời người. Để có được niềm vui trong tương lai, người Hoa vô cùng xem trọng những điều kiêng kỵ trong tập tục hôn nhân. Trong xã hội hiện đại, một số nghi thức được xem là phức tạp đã được giản lược đi nhưng một số hành vi mang ý nghĩa giúp người thụ lễ tránh những điều không hay vẫn được duy trì.

Sau khi giường cưới được sắp xếp xong, không để trống, chú rể không ngủ một mình mà ngủ với bé trai để tránh sự đơn độc của một trong hai vợ chồng. Cô dâu, chú rể kiêng ăn bánh cưới vì bánh cưới tượng trưng cho niềm vui, chỉ đem đi phân phát cho mọi người, nếu cô dâu hay chú rể ăn bánh cưới đồng nghĩa với sự tiêu tan mất niềm vui. Khi hôn lễ kết thúc, bạn bè và người thân đều ra về, cô dâu, chú rể không nói “*tạm biệt*”, vì hai từ này có nghĩa là ly biệt, không tốt đối với đôi vợ chồng mới cưới. Vì thế, khi tiễn khách, nên gật đầu tỏ vẻ đồng ý hoặc vẫy tay chào tạm biệt. Khi cô dâu chuẩn bị về nhà chồng, phụ nữ mang thai không tiễn vì theo quan niệm xưa, mọi người đều cho rằng phụ nữ mang thai tượng trưng cho máu, sản phụ khi đưa tiễn tức là họa sẽ tới gần. Ba ngày sau lễ cưới, chú rể sẽ đưa cô dâu về nhà mẹ đẻ làm “lễ lại mặt” và trở về trong ngày tránh ở lại qua đêm vì dễ làm nhà vợ gặp xui xẻo. Nếu vì nguyên nhân nào đó buộc phải ở lại nhà mẹ đẻ, vợ chồng không ngủ cùng giường.

Hành vi biểu tượng mang ý nghĩa bảo vệ cô dâu: bung dù che cho cô dâu đi từ nhà ra xe (ngày xưa là từ nhà ra kiệu), rải gạo trước sân nhà khi cô dâu vừa bước ra khỏi cửa với ý nghĩa giúp cô dâu tránh những điều không lành và bảo vệ khả năng sinh sản của cô dâu.

Khi đón dâu, chú rể lên xe hoa đi tới nhà gái, chiếc xe hoa đi một hướng, về không đi đường cũ, đi vòng, sao cho đi hướng khác về. Ý nghĩa không quay về quá khứ, tránh việc con dâu có thể bỏ chồng quay lại với người tình cũ, người đàn ông bỏ vợ theo người tình cũ, bỏ chuyện quá khứ. Nghĩa vợ chồng từ nay mới hoàn toàn, cái cũ bỏ hết, dù là cái cũ như thế nào phải bỏ hết, đi lại đường mới, đi đường này về đường khác, người trẻ có thể không biết tại sao như vậy, người lớn tuổi biết nhắc nhở con cái những quá khứ bỏ qua hết, ai cũng có quá khứ hết, bắt đầu xây dựng gia đình mới đi con đường mới (H. C., 1948, Nguyễn Trãi, quận 5, ngày 1/7/2010).

Người con gái bước khỏi cửa theo chồng, gia đình bố mẹ mong cô được hạnh phúc, sống với gia đình chồng đến khi chết đi, nên người lớn luôn nhắc nhở cô dâu khi bước ra khỏi nhà không nên ngoáy đầu lại, vì đó là điềm gở. Quay đầu lại tức sẽ bị gia đình chồng và chồng không chấp nhận, trả về cho bố mẹ đẻ.

Khi thực hiện các nghi thức trong lễ cưới cố gắng sao cho thật trọn vẹn, không làm đổ bễ ly tách, làm đổ nước ra ngoài, vì đó là điềm gở ảnh hưởng đến hạnh phúc lứa đôi sau này. Cô dâu vào nhà phải bước qua ngạch cửa chứ không được đạp lên. Ngạch cửa biểu hiện cho sự thăng trầm của gia đình

đó; nếu đạp xuống ngạch cửa, gia đình đó sẽ suy sụp, làm ăn không lên, tài lộc của gia đình đó mất đi. Khi đến ngạch cửa, bà mai cũng nói cô dâu chú rể bước *bước lớn* đồng âm với *tai qua nạn khỏi*. Bà mai nói “bước bước lớn nha” đồng nghĩa với khó khăn cũng vượt qua được (T. L. M., 32 tuổi, Minh Phụng, quận 10, ngày 1/4/2010).

Người có tang, phụ nữ có thai không đi đám cưới. Nếu người có thai là thành viên trong gia đình buộc phải dự lễ cưới thì tránh vào phòng cô dâu, đụng vào đồ của cô dâu vì điều này khiến vợ chồng mới cưới xung khắc nhau. Cô dâu bước ra không quay đầu lại vì đó là dấu hiệu của sự đổ vỡ cuộc sống hôn nhân, cô dâu quay trở về nhà mẹ đẻ. Hai đám cưới cùng một tháng, không đi đám cưới của nhau; còn nếu đi thì không li xi nhau. Hai đám cưới cùng hèm thì nên tránh gặp nhau trong lễ đón dâu, bởi “hỷ” với “hỷ” gặp nhau thành điều không tốt.

Hiện nay, người Hoa vẫn coi trọng việc chọn ngày cưới, vì ngày cưới phần nào có ý nghĩa quyết định sự “lành”, “dữ” của cuộc hôn nhân. Theo quan niệm từ xưa đến nay không nên tổ chức lễ cưới trong tháng 3, tháng 6 và tháng 7 (Âm lịch). Tháng 6 tức là giữa năm; người vợ được cưới trong tháng này sẽ chỉ sống với người chồng nửa cuộc đời, hôn nhân dễ bị chia cắt. Nếu trong nhà đột nhiên có người qua đời, trong năm đó không thích hợp để tổ chức hỷ hoặc đi đăng ký kết hôn. Tháng 3 và tháng 7 Âm lịch đều là những ngày của cô hồn, nên tránh tổ chức tiệc hỷ.

Không chỉ xem ngày cưới, khi thực hiện những nghi thức quan trọng trong lễ cưới người Việt, người Hoa còn chọn ngày,

giờ như việc trải giường cưới, lễ chải đầu, đi đón và đón dâu về nhà chồng, nghi thức bái đường. Giờ tốt là thời khắc thiên - địa - nhân hòa hợp, mọi vật sinh sôi nảy nở tốt tươi, mọi sự đều lành.

Với niềm tin cuộc sống của ông mai, bà mai, người trải giường cưới, người gánh quả lễ vật của nhà trai sang nhà gái, người lên đèn sẽ có ảnh hưởng đến đời sống của đôi vợ chồng trẻ sau này, nên người Hoa rất chú ý trong việc chọn người. Người thực hiện những công việc này phải là người có uy tín trong cộng đồng, còn đủ vợ chồng, cuộc sống hạnh phúc, có đủ con trai và con gái.

6. Kết luận

Hệ giá trị đạo đức của gia đình người Hoa được chuyển tải qua các biểu tượng trong lễ cưới về cơ bản vẫn chịu ảnh hưởng Nho giáo, trong đó giá trị “hiếu” là quan trọng nhất. “Hiếu” được biểu thị bằng sự tôn kính tổ tiên, biết ơn đấng sinh thành. Trong hôn nhân đề cao sự thủy chung, mong muốn gia đình sinh được con trai để nối dõi tông đường, gia đình làm ăn phát đạt. Trong gia đình, cộng đồng các mối quan hệ cha - con, anh - em, chồng - vợ, bạn bè, người trên - kẻ dưới vẫn được tôn trọng. Xã hội người Hoa là xã hội phụ hệ, dù không còn quan niệm “trọng nam khinh nữ” như xưa nhưng vai trò của người đàn ông vẫn là trụ cột gia đình. Văn hóa Nho giáo dù ít nhiều có biến đổi trong xã hội hiện đại nhưng về cốt lõi vẫn được cộng đồng bảo lưu trong các nghi lễ gia đình.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Bình (2005), *Hôn nhân và gia đình người Hoa ở Nam Bộ*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2004), *Niên giám thống kê năm 2004*, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. de Kermadec, M. (1955), *Cho lon ville chinoise*, Société asiatique d' Edition, Saigon.
4. Đường Đắc Dương (Chủ biên) (2003), *Cội nguồn văn hóa Trung Hoa*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
5. Hsu, Francis L. K. (1948), *Under the Ancestors' Shadow*, Columbia University Press, New York.
6. Nguyễn Bích Hằng, Trần Thanh Liêm (2003), *Từ điển thành ngữ - Tục ngữ Hán Việt*, Nxb Văn hóa & Thông tin, Hà Nội.
7. Ludwig, Theodore M. (2004), *Những con đường tâm linh phương Đông*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
8. Nhữ Nguyên (Biên soạn) (1996), *Lễ ký* (kinh điển về việc lễ), Nxb Đồng Nai.
9. Sockard, Janice E. (2002), *Marriage in culture: Practice and meaning across diverse society*, Wadsworth, United States.
10. Tiêu Quân Trung (2006) (Lê Sơn dịch), *Chữ Hiếu trong nền văn hóa Trung Hoa*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
11. Williams, C. A. S. (1941), *Outlines of Chinese Symbolism and Art Motives*, Shanghai.